

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG
VÀ GIẢI TRÍ ODE**

*(trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là “Công ty”, trước đây với tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Chí Hiếu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Đỗ Văn Trường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2020)
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Lê Thị Trà Mi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Trần Thị Phương Hoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Nhâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2020 và miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2021)
Bà Đỗ Thị Định	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2020)
Ông Đỗ Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2021

1125
ÔNG
TNH
LOI
ỆTN
ĐA-

Số: 0178 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 7 năm 2021, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán.



Đỗ Hồng Dương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 7 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.226.074.986	95.110.152.704
I. Tiền	110	4	1.281.811.880	434.002.588
1. Tiền	111		1.281.811.880	434.002.588
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.671.957.884	69.007.029.670
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	50.429.755.664	65.794.311.383
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		233.734.490	3.204.894.490
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		8.467.730	7.823.797
III. Hàng tồn kho	140	6	52.967.083.952	24.513.841.513
1. Hàng tồn kho	141		52.967.083.952	24.513.841.513
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.305.221.270	1.155.278.933
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		75.071.750	5.074.729
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.230.149.520	1.150.204.204
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.613.465.137	477.665.843
I. Tài sản cố định	220		2.294.916.209	106.072.274
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.294.916.209	106.072.274
- Nguyên giá	222		1.436.711.146	138.819.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.794.937)	(32.746.872)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.000.000.000	-
- Nguyên giá	228		1.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		318.548.928	371.593.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		318.548.928	371.593.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		110.839.540.123	95.587.818.547

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.659.488.207	87.944.639.586
I. Nợ ngắn hạn	310		100.659.488.207	87.944.639.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	18.348.699.436	17.771.825.737
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.032.341.936	712.823.041
3. Phải trả người lao động	314		272.358.635	955.185.341
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	81.006.088.200	68.504.805.467
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.180.051.916	7.643.178.961
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	10.180.051.916	7.643.178.961
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000	5.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.180.051.916	2.643.178.961
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.643.178.961	135.509.198
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.536.872.955	2.507.669.763
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		110.839.540.123	95.587.818.547



Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	14	49.497.755.988		96.137.979.000	
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		49.497.755.988		96.137.979.000	
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	15	44.326.667.933		90.657.475.426	
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.171.088.055		5.480.503.574	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.741.369		3.727.186	
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	2.201.543.059		2.345.684.871	
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		2.971.286.365		3.138.545.889	
8. Thu nhập khác	31		3.000.000		7.200.000	
9. Chi phí khác	32		21.013.319		8.926.948	
10. Lỗ khác (40=31-32)	40		(18.013.319)		(1.726.948)	
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.953.273.046		3.136.818.941	
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	416.400.091		629.149.178	
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.536.872.955		2.507.669.763	
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	5.074		5.015	



Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.953.273.046	3.136.818.941
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	109.048.065	24.627.264
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.062.321.111	3.161.446.205
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	16.253.385.101	(22.903.699.410)
Tăng hàng tồn kho	10	(28.453.242.439)	(16.632.253.322)
Tăng các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.099.243.330	36.510.352.457
Tăng chi phí trả trước	12	(16.952.380)	(214.797.844)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.909.754.723	(78.951.914)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.063.686.800)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.741.369	3.727.186
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.061.945.431)	3.727.186
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	847.809.292	(75.224.728)
Tiền đầu năm	60	434.002.588	509.227.316
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.281.811.880	434.002.588

Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ ODE

Tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center,
số 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông và Giải trí ODE (gọi tắt là “Công ty”, trước đây với tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền thông S-MEDIA), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107602021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 10 năm 2016 và sửa đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 5 năm 2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 VND, được chia thành 500.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên trung bình tháng của Công ty trong năm là 9 người (năm trước: 20 người). Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày lập báo cáo là 76 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động tư vấn quản lý, đầu tư;
- Cổng thông tin;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, sáng tác, nghệ thuật và giải trí, nhiếp ảnh, trang trí nội thất, thiết kế website, thiết kế đồ họa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in;
- Xuất bản catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;
- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác;
- Thuyết minh thời gian trình chiếu chương trình truyền hình về cuộc họp;
- Dịch vụ sắp xếp thư;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động của các điểm truy cập internet, hoạt động viễn thông có dây, không dây, dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; phát hành phim điện ảnh, phim video, chiếu phim, hậu kỳ, ghi âm;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, xuất bản phần mềm;
- Bán buôn, bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là truyền thông và quảng cáo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Hiện nay, dịch bệnh COVID-19 đang tiếp tục diễn biến phức tạp tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới nhưng Ban Tổng Giám đốc tin rằng vấn đề trên không có tác động trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 để xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp đối với tình hình bất ổn này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí của các dự án dở dang với giá trị được xác định tương ứng với khối lượng các hạng mục công việc được hoàn thành bởi các nhà cung cấp và được nghiệm thu bởi các bên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc và thiết bị được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày nghiệm thu dịch vụ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	600.130.204	331.895.104
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	681.681.676	102.107.484
	<u>1.281.811.880</u>	<u>434.002.588</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 20)	50.429.755.664	65.794.311.383
Công ty Cổ phần Sunshine Sky Villa	-	2.285.769.200
	<u>50.429.755.664</u>	<u>68.080.080.583</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu được toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng trên bằng chuyển khoản.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.967.083.952	-	24.513.841.513	-
	<u>52.967.083.952</u>	<u>-</u>	<u>24.513.841.513</u>	<u>-</u>

Chi tiết chi phí các dự án dở dang được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án Sunshine Marina	17.549.046.369	11.058.245.526
Dự án quảng bá thương hiệu Sunshine	7.288.399.587	3.607.458.591
Dự án Sunshine Heritage	5.394.326.919	26.329.329
Dự án Sunshine Crystal River	2.921.651.604	198.112.995
Dự án Sunshine App	2.676.892.429	166.886.671
Dự án Sunshine Homes	1.947.673.068	205.198.265
Dự án Sunshine Garden	1.555.927.487	1.674.641.649
Dự án Sunshine Empire	1.493.226.818	1.006.909.457
Dự án Sunshine City Sài Gòn	1.481.049.447	1.626.208.127
Các dự án khác	10.658.890.224	4.943.850.903
	<u>52.967.083.952</u>	<u>24.513.841.513</u>

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	138.819.146
Tăng trong năm	1.297.892.000
Số dư cuối năm	1.436.711.146
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	32.746.872
Khấu hao trong năm	109.048.065
Số dư cuối năm	141.794.937
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	106.072.274
Tại ngày cuối năm	1.294.916.209

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	1.000.000.000
Số dư cuối năm	1.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	1.000.000.000

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.949.775.599	4.949.775.599	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	615.062.083	416.400.091	35.000.000	996.462.174
Thuế thu nhập cá nhân	97.760.958	162.049.121	226.138.626	33.671.453
Các loại thuế khác	-	39.273.248	37.064.939	2.208.309
	712.823.041	5.567.498.059	5.247.979.164	1.032.341.936

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Truyền thông Nắng tháng tư	1.994.319.280	1.994.319.280	686.262.400	686.262.400
Công ty TNHH Adasia Media Việt Nam	1.271.019.400	1.271.019.400	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Việt Nam	1.132.244.080	1.132.244.080	226.629.299	226.629.299
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	1.204.799.000	1.204.799.000	1.185.967.200	1.185.967.200
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dịch vụ JMB Việt Nam	1.038.656.080	1.038.656.080	486.593.030	486.593.030
Công Ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	1.000.330.000	1.000.330.000	359.104.928	359.104.928
Công ty Cổ phần Truyền thông Tập trung Mặt Trời Vàng	812.440.520	812.440.520	1.544.577.650	1.544.577.650
Công ty TNHH Truyền thông UREKA Việt Nam	749.330.658	749.330.658	2.270.592.740	2.270.592.740
Công ty Cổ phần VCCORP	446.579.921	446.579.921	2.133.939.440	2.133.939.440
Công ty TNHH HTC.COM Việt Nam	316.778.000	316.778.000	1.817.332.000	1.817.332.000
Phải trả các đối tượng khác	8.382.202.497	8.382.202.497	7.060.827.050	7.060.827.050
	18.348.699.436	18.348.699.436	17.771.825.737	17.771.825.737
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 20)	2.081.885.920	2.081.885.920	586.824.928	586.824.928

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình (*)	40.528.683.000	42.302.200.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ (*)	26.197.800.000	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức (*)	14.273.517.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.088.200	4.805.467
	81.006.088.200	68.504.805.467
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 20)	81.000.000.000	68.500.000.000

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã tắt toán toàn bộ dư nợ phải trả cuối năm với các cá nhân là bên liên quan bằng hình thức chuyển đổi từ nợ phải trả thành vốn góp và thanh toán bằng chuyển khoản, cụ thể như sau:

Cá nhân	Chuyển đổi nợ thành vốn góp (VND)	Thanh toán bằng chuyển khoản (VND)
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	26.197.800.000	-
Ông Nguyễn Đình Đức	14.273.517.000	-
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	7.719.683.000	32.809.000.000
	48.191.000.000	32.809.000.000

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	135.509.198	5.135.509.198
Lợi nhuận trong năm	-	2.507.669.763	2.507.669.763
Số dư đầu năm nay	5.000.000.000	2.643.178.961	7.643.178.961
Lợi nhuận trong năm	-	2.536.872.955	2.536.872.955
Số dư cuối năm nay	5.000.000.000	5.180.051.916	10.180.051.916

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 5.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ bằng tiền mặt như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Đinh Hữu Thập	3.500.000.000	70%	3.500.000.000	70%
Ông Đỗ Văn Trường	1.000.000.000	20%	1.000.000.000	20%
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	500.000.000	10%	500.000.000	10%
	5.000.000.000	100%	5.000.000.000	100%

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ truyền thông, quảng cáo. Doanh thu, giá vốn theo hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 14 và số 15.

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

14. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	49.497.755.988	96.137.979.000
	49.497.755.988	96.137.979.000
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 20)	49.497.755.988	94.060.007.000

15. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	44.326.667.933	90.657.475.426
	44.326.667.933	90.657.475.426

16. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	344.581.984	165.735.584
Chi phí nhân công	2.941.235.613	5.188.639.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.048.065	24.627.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.767.437.443	103.651.651.946
Chi phí khác bằng tiền	866.050.326	604.758.871
	75.028.353.431	109.635.413.619

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	512.652.733	793.306.000
Thuế, phí và lệ phí	39.411.704	39.304.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	822.840.000	948.600.000
Chi phí khác bằng tiền	826.638.622	564.474.385
	2.201.543.059	2.345.684.871

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	594.857.273	629.149.178
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020	178.457.182	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	416.400.091	629.149.178

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	2.953.273.046	3.136.818.941
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	21.013.319	8.926.948
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.974.286.365	3.145.745.889
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	594.857.273	629.149.178
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020	178.457.182	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	416.400.091	629.149.178

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và quyết toán với cơ quan thuế.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.536.872.955	2.507.669.763
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.536.872.955	2.507.669.763
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	500.000	500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.074	5.015

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	16.088.600.000	18.942.209.000
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	13.660.057.988	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	11.112.020.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.928.253.000	8.249.680.000
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.744.745.000	8.361.518.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Fulland	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.394.790.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	797.320.000	3.881.769.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	771.970.000	29.868.433.000
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	9.483.478.000
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	7.739.082.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	4.134.909.000
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.742.670.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Cung cấp dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	1.656.259.000
		49.497.755.988	94.060.007.000
Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	Mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	1.004.906.364	326.459.025
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S-Service	Phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	342.840.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Phí dịch vụ điện, nước	203.952.733	-
Công ty Cổ phần Sunshine CAB	Phí thuê xe	168.000.000	154.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-mart	Chi phí dịch vụ ăn uống	57.968.182	63.828.182
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Chi phí dịch vụ ăn uống	1.881.818	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Phí thuê văn phòng	-	948.600.000
		1.779.549.097	1.492.887.207

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	12.223.222.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Sunshine	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	8.147.348.900	8.952.348.900
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	6.986.479.700	13.847.459.700
Công ty Cổ phần Sunshine Tây Hồ	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	5.012.990.200	8.512.990.200
Công ty Cổ phần Sunshine Homes	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	4.431.825.800	10.431.825.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Sài Gòn	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	3.157.840.254	7.826.481.974
Công ty TNHH Giáo dục Sunshine Maple Bear	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.965.151.200	2.965.151.200
Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	2.952.500.769	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Fullland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.534.269.000	-
Công ty Cổ phần Sao Ánh Dương	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	1.489.219.500	1.440.582.600
Công ty Cổ phần Bất động sản Wonderland	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	742.409.800	742.409.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	727.709.041	4.748.978.856
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-mart	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	58.789.500	58.789.500
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	3.269.945.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Thượng	Phải thu từ dịch vụ truyền thông, quảng cáo	-	711.577.753
		50.429.755.664	63.508.542.183
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sunshine Tech	Phải trả tiền mua tài sản cố định, công cụ dụng cụ	1.000.330.000	359.104.928
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành S-Service	Phải trả phí dịch vụ vận hành tòa nhà, thuê chỗ để xe	377.124.000	-
Công ty Cổ phần Sunshine CAB	Phải trả phí thuê xe	354.200.000	169.400.000
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes	Phải trả phí dịch vụ điện, nước	224.096.920	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại S-mart	Phải trả chi phí dịch vụ ăn uống	122.085.000	58.320.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Sunshine Mart	Phải trả chi phí dịch vụ ăn uống	4.050.000	-
		2.081.885.920	586.824.928
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 11)			
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	40.528.683.000	42.302.200.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	26.197.800.000	26.197.800.000
Ông Nguyễn Đình Đức	Phải trả tiền vay bổ sung vốn lưu động	14.273.517.000	-
		81.000.000.000	68.500.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc	281.200.000	670.000.000
Bà Hoàng Thị Mỹ Bình	281.200.000	670.000.000
Ông Nguyễn Đình Đức	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc	Chưa là thành viên Ban Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Định	-	-
Ông Đỗ Văn Trường	-	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-
	281.200.000	670.000.000

21. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác không bao gồm 1.363.994.400 VND (năm 2019: 71.431.061 VND) là tiền chi mua sắm TSCĐ trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2306/2021/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2021, Công ty chào bán cổ phần cho cổ đông để tăng vốn điều lệ thông qua hình thức góp vốn bằng nộp tiền vào tài khoản Công ty với số tiền 46.809.000.000 VND và chuyển đổi từ nợ phải trả của Công ty với một số cổ đông/cá nhân thành vốn góp với số tiền 48.191.000.000 VND. Tính đến thời điểm lập báo cáo, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.



Đỗ Lệ Thủy
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mỹ Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 7 năm 2021